

Bản án số: 39/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15-8-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hữu C.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Quốc H;

Bà Nguyễn Thị Minh P.

- **Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Cẩm V - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** bà Đoàn Thị Lệ T - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** bà Phạm Thị H; địa chỉ: số 14A, Tổ AT 1, phường HV, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng - Có mặt.

- **Bị đơn:** ông Phạm Quang T; địa chỉ: số 14A/6, Tổ AT 1, phường HV, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10-5-2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:

Bà Phạm Thị H và ông Phạm Quang T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HV, huyện An Hải

(nay là phường HV, quận Hồng Bàng), thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09, quyển số 01, ngày 02-02-1991. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, giữa bà H và ông T không còn tình cảm và không còn quan tâm đến nhau. Nay, thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ gia đình nên bà H đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng giải quyết cho bà H được ly hôn ông T theo quy định của pháp luật.

Về con chung: bà H và ông T có 02 con chung là Phạm Quang T, sinh ngày 02-10-1991 và Phạm Thị Hà N, sinh ngày 26-9-1994. Hiện tại, anh Phạm Quang T và chị Phạm Thị Hà N đã đến tuổi trưởng thành, có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: bà Phạm Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn là ông Phạm Quang T không hợp tác, không đến Tòa án làm thủ tục theo quy định. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng (thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa) cho ông Phạm Quang T. Tuy nhiên, ông T không đến Tòa án làm việc, không lấy được lời khai, cũng như không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H.

Tại Biên bản xác minh ngày 05-7-2023, Tổ AT, phường HV, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng thể hiện: bà Phạm Thị H và ông Phạm Quang T kết hôn từ năm 1991 tại Ủy ban nhân dân xã HV, huyện An Hải (nay là phường HV, quận Hồng Bàng), thành phố Hải Phòng. Trong quá trình chung sống, giữa bà H và ông T có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống không phù hợp. Giữa bà H và ông T có 02 con chung là Phạm Quang Thường sinh năm 1991 và Phạm Thị Hà Nhi, sinh năm 1994 (đều có gia đình riêng). Việc bà H làm đơn yêu cầu ly hôn với ông T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Đơn trình bày ngày 30 tháng 6 năm 2023, anh Phạm Quang Thường và Đơn trình bày ngày 05 tháng 7 năm 2023, chị Phạm Thị Hà Nhi (là con của bà H và ông T) trình bày: Trong quá trình chung sống, giữa bà H và ông T không có tiếng nói chung, thường xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Nay bà H làm đơn đề nghị được ly hôn với ông T; anh T, chị N đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng; về việc thu thập tài liệu, chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát; việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: bà Phạm Thị H và ông Phạm Quang T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HV, huyện An Hải (nay là phường HV, quận Hồng Bàng), thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09, quyển số 01, ngày 02-02-1991, nên hôn nhân giữa bà H và ông T là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau. Xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: bà Phạm Thị H được ly hôn ông Phạm Quang T.

Về con chung: bà H và ông T có 02 con chung là Phạm Quang T, sinh ngày 02-10-1991 và Phạm Thị Hà N, sinh ngày 26-9-1994. Hiện tại, anh Phạm Quang T và chị Phạm Thị Hà N đã đến tuổi trưởng thành, có gia đình riêng nên không xem xét, giải quyết về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: bà Phạm Thị H không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo Đơn khởi kiện; căn cước công dân, sổ hộ khẩu và Biên bản xác minh ngày 05-7-2023, Tổ AT, phường HV, quận Hồng Bàng thể hiện: ông Phạm Quang T đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 14A/6, Tổ AT 1, phường HV, quận Hồng Bàng. Căn cứ các điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án khởi kiện yêu cầu ly hôn giữa nguyên đơn là bà Phạm Thị H với bị đơn là ông Phạm Quang T thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn là ông Phạm Quang T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Phạm Quang T.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: bà Phạm Thị H và ông Phạm Quang T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HV, huyện An Hải (nay là phường HV, quận Hồng Bàng), thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09, quyển số 01, ngày 02-02-1991, nên hôn nhân giữa bà H và ông T là hợp pháp.

[4] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: bà Phạm Thị H cho rằng quá trình chung sống, giữa bà H và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau. Giữa bà H và ông T không còn tình cảm và không còn quan tâm đến nhau từ lâu. Do vậy, bà H làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xem xét, giải quyết cho bà H được ly hôn với ông T theo quy định của pháp luật. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng (thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa) cho ông Phạm Quang T. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T không tới Tòa án làm việc, cũng như không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H. Điều đó thể hiện ông T không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa bà Phạm Thị H và ông Phạm Quang T không đạt được mục đích hôn nhân để xây dựng gia đình hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà Phạm Thị H yêu cầu ly

hôn ông Phạm Quang T là có căn cứ, phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị H: bà Phạm Thị H được ly hôn ông Phạm Quang T.

[5] Về con chung: bà Phạm Thị H và ông Phạm Quang T có 02 con chung là Phạm Quang T, sinh ngày 02-10-1991 và Phạm Thị Hà N, sinh ngày 26-9-1994. Hiện tại, anh Phạm Quang T và chị Phạm Thị Hà N đã đến tuổi trưởng thành, có gia đình riêng nên không xem xét giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung: bà Phạm Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: bà Phạm Thị H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Phạm Thị H được ly hôn ông Phạm Quang T.

2. Về con chung: bà Phạm Thị H và ông Phạm Quang T có 02 con chung là Phạm Quang T, sinh ngày 02-10-1991 và Phạm Thị Hà N, sinh ngày 26-9-1994. Hiện tại, anh Phạm Quang T và chị Phạm Thị Hà N đã đến tuổi trưởng thành, có gia đình riêng nên không xem xét giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: bà Phạm Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: bà Phạm Thị H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009746, ngày 22-5-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Bà Phạm Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND phường HV, quận Hồng Bàng, (GCN kết hôn số 09, quyền số 01, ngày 02-02-1991);
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hữu C